TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 21/9/2018
V/v Tranh chấp ly hôn, con chung và chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Chất**.

Các thẩm phán: Bà **Vũ Thị Yến**

Ông **Nguyễn Huy Hiểu.**

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà **Vũ Thị Hà** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà **Phạm Thị Quyên** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2018/TLPT-HNGĐ ngày 16/7/2018 về việc tranh chấp ly hôn, con chung, và chia tài sản chung. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2018/QĐ-PT ngày 10/08/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 27/8/2018 giữa các đương sự :

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Số 8/36/174 phố V, phường T, thành phố HD.

- **Bị đơn:** Chị Trần Thị Ngọc H (tên gọi khác Trần Ngọc H), sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Số 96/55 Đ, phường T, thành phố HD.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1937 (có mặt)

Địa chỉ: Số 8/36/174 phố V, phường T, thành phố HD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân, anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị Ngọc H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố HD ngày 12/9/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống cùng gia đình anh D ở số 8/36/174 phố V, phường T.

Anh D xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc trong 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H có quan hệ nam nữ bất chính và ăn nói không đúng mực với bố mẹ anh trong quá trình sinh hoạt gia đình. Anh D đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn nhưng lại rút về vì nghĩ đến con cái. Mặc dù vậy, tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được mà còn trầm trọng hơn dẫn đến vợ chồng việc xô xát, anh D đánh chị H gây thương tích nên anh bị Công an thành phố Hải Dương xử phạt hành chính về hành vi bạo lực gia đình. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Chị H xác định mâu thuẫn gia đình phát sinh từ năm 2017 chủ yếu là do việc anh D muốn sinh con trai nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng nhiều lần hòa giải nhưng cũng chỉ được một thời gian lại phát sinh mâu thuẫn, mặc dù ở cùng 1 nhà nhưng hai vợ chồng sống ly thân. Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ là nhỏ nhặt, vợ chồng vẫn tình cảm với nhau nên chị đã yêu cầu Tòa án giám định mẫu AND tinh trùng để chứng minh việc này. Vì vậy, tại bản tự khai, chị trình bày chấp nhận ly hôn với anh D sau đó lại không nhất trí ly hôn.

Về con chung, anh D và chị H có 01 con chung là Nguyễn Thị Thanh T1 sinh ngày 08/11/2004, hiện nay cháu T1 ở với chị H. Do cháu là con gái và cháu cũng đã lớn nên anh D sẽ tôn trọng nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn. Quá trình làm việc tại Tòa án, Chị H yêu cầu anh D cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng, anh D nhất trí yêu cầu cấp dưỡng của chị H Và nhất trí việc chị H chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Các bên thống nhất vợ chồng có khối tài sản chung là tiền và đồ dùng sinh hoạt trị giá 165.500.000đ.

Tại bản án sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 24/5/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã áp dụng Điều 56; 81, 82, 83; 29,33, 59, 60, 61 Luật Hôn nhân và gia đình khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS; Điều 357BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, án phí, lệ phí Tòa án; xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Trần Thị Ngọc H (tên gọi khác Trần Ngọc H).

- Về con chung: Xử giao con cho chị Trần Thị Ngọc H (tên gọi khác Trần Ngọc H) tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 08/11/2004, anh D có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung Nguyễn Thị Thanh T1 1.000.000đ/tháng. Thời gian kể từ tháng 05/2018 đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị H không được ngăn cản anh D quyền chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung: Xử xác nhận anh D và chị H có khối tài sản chung là **165.500.000đ** (*một trăm sáu mươi lăm triệu lăm trăm ngàn đồng)* gồm tiền mặt và đồ dùng sinh hoạt; giao cho anh D sử dụng toàn bộ đồ dùng sinh hoạt và công nhận sự tự nguyện của anh D trả cho chị H 60% khối tài sản chung = 99.300.000đ (chín mươi chín triệu ba trăm ngàn đồng chẵn).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ chịu lãi suất và nghĩa vụ thi hành án theo qui định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018 chị H kháng cáo bản án với nội dung không nhất trí xử cho anh D được ly hôn với chị, còn các nội dung khác của bản án chị không kháng cáo.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là chị H giữ nguyên nội dung kháng cáo, xác định chị chỉ kháng cáo về quan hệ vợ chồng, không nhất trí ly hôn anh D.

- Bị đơn là anh D trình bầy không nhất trí với kháng cáo của chị H, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị H.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi nghị án. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của chị Trần Thị Ngọc H: Anh D, chị H kết hôn năm 2003, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chông không tin tưởng và luôn ghi ngờ lẫn nhau, anh D cho rằng chị H có quan hệ nam nữ bất chính, ngược lại chi H ngờ vực anh D có quan hệ với người khác. Chị H hay đi đêm về khuya, anh D khuyên bảo nhưng chị H không nghe, anh D nhiều lần đánh đập chị H, có lần chị phải đi viện, không chịu được gia đình chị đã báo chính quyền địa phương và anh D đã bị xử lý hành

chính về hành vi bạo lực gia đình. Tình cảm vợ chồng ngày càng trở lên căng thẳng. Anh D đã nhiều lần làm đơn ly hôn chị H nhưng nghĩ đến con cái anh lại rút đơn về với mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, từ năm 2017 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Như vậy chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nếu cứ kéo dài thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Chị H xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì, mặt khác tình trạng vợ chồng vẫn không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng, anh D kiên quyết xin ly hôn chị H, chị H không có căn cứ nào chứng minh vợ chồng vẫn còn tình cảm, cho nên kháng cáo xin đoàn tụ của chị H không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận, cho nên chị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; 81, 82, 83; 29,33, 59, 60, 61 Luật Hôn nhân và gia đình khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS; Điều 357BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị Ngọc H, giữ nguyên bán án sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 24/5/2018.

Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn D. Xử cho anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Trần Thị Ngọc H (tên gọi khác Trần Ngọc H).

- Về con chung: Xử giao con cho chị Trần Thị Ngọc H (tên gọi khác Trần Ngọc H) tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 08/11/2004. Anh D phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung Nguyễn Thị Thanh T1 1.000.000đ/tháng. Thời gian kể từ tháng 05/2018 đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị H không được ngăn cản anh D quyền chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung: Xử xác nhận anh D và chị H có khối tài sản chung là **165.500.000đ** (*một trăm sáu mươi lăm triệu lăm trăm ngàn đồng)* gồm 100.000.000đ tiền mặt và đồ dùng sinh hoạt.

Giao cho anh D sử dụng toàn bộ đồ dùng sinh hoạt gồm:

+ 01 Xe máy Airblade, BKS: 34B2-105.60, màu đỏ, đăng ký lần đầu tháng 11/2009, loại PGM-Fi;

+ 01 Bộ bàn ăn: gỗ xoan, 06 ghế, bàn tròn, đường kính trên 1,5m, mua tháng 11/2016;

+ 01 Tủ lạnh LG, LC Inverter Linear, GR-B227GF, 524l, mua tháng 10/2016;

+ 01 Máy giặt LG, Inverter 7kg, Direct Driver mua vào năm 2009;

+ 01 Sập gụ, gỗ gụ, mua cũ năm 2016, kích thước 1,6m x2m, cao 50cm;

+ 02 Điều hòa Daikin, 9000Btu, mua cũ năm 2013, một chiều;

+ 01 Điều hòa Panasonic, 24000 Btu, một chiều, mua cũ năm 2015;

+ 01 Đôi loa BMB, do Trung Quốc sản xuất 450W, mua cũ tháng 10 năm 2015;

+ 01 Loa trầm, do Trung Quốc sản xuất, 600W, mua cũ tháng 6/2016;

+ 01 Đầu vi tính VietKT, mua cũ tháng 6/2016, do Việt Nam sản xuất;

+ 01 Màn hình cảm ứng Việt KT, mua cũ tháng 6/2016, do Việt Nam sản xuất;

+ 01 Âm ly, Jarquar Suhyoung PA-203N, do Hàn Quốc sản xuất, mua cũ thỏng 6/2016;

+ 01 Bộ lọc xì, Denon, mua cũ tháng 6/2016 do Nhật Bản sản xuất;

+ 01 Bộ mic Shure, UGX8 không dây, 2 mic, mua mới tháng 6/2016.

Và 100.000.000đ tiền mặt.

Anh D có trách nhiệm trả cho chị H tiền chênh lệch về tài sản là 99.300.000đ (chín mươi chín triệu ba trăm ngàn đồng chẵn).

Kể từ ngày án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí phúc thẩm: Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ đã chị đã nộp tạm ứng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0002403 ngày 18 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, chị H đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn; phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng tiền nuôi con và 3.310.000đ án phí chia tài sản. Tổng là 3.910.000đ. Đối trừ với số tiền 300.000đ anh D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số

AA/2014/0004470 ngày 07/7/2017 và 1.125.000đ anh D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0002469 ngày 02/11/2017 tại Chi cục thi hành án TP. Hải Dương anh D còn phải nộp 2.485.000đ *(Hai triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng)*.

Chị H phải chịu 4.965.000đ (*bốn triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn đồng)* án phí chia tài sản chung.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 21/9/2018.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *TAND thành phố Hải Dương;*
- *VKSND thành phố Hải Dương;*
- *Chi cục THADS thành phố Hải Dương;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Chất